

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST

Ngày: 06/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình
Ông Trịnh Xuân Tháp

Thư ký phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Võ Đức B, sinh năm 1991, tại Thành Phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, khu phố 2, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ X, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chung sống với chị Mai Thị H, sinh năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/01/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng 11 ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam và được trả tự do ngay tại phiên tòa về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 2007/LC-CQĐT-ĐTTH ngày 28/11/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Huỳnh Văn T, sinh năm 1990, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 15, khu phố 1, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C (Đã chết); Gia đình bị cáo có 06 anh, chị em, bị cáo là thứ năm trong gia đình; Bị cáo chung sống với chị Kim Thị Diệu H1, sinh năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/9/2018 bị Chủ tịch UBND thị trấn A, huyện V ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng kể từ ngày 20/9/2018. Ngày 20/12/2018 được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 2008/LC-CQĐT-ĐTTH ngày 28/11/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, bị cáo tại ngoại có mặt.

** Bị hại:*

- Anh Đặng Trí T1, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 1, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Công Quốc A, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5B, khu phố 6, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Lưu L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- Anh Trần Ngọc A1, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12B, khu phố 1, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Lâm Thị H2, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/9/2019, Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô biển số 60Z7-6554 chở Võ Đức B đến nhà anh Đặng Trí T1, sinh năm 1972 ngụ khu phố 1, thị trấn A, huyện V mục đích để B mượn tiền. B nói T đợi ở bên ngoài rồi đi vào trong nhà anh T1 thấy phòng khách không có người, trên kệ có 01 ti vi hiệu Sony 49 inches nên B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B tháo dây vác tivi ra chỗ T đang đợi. T hỏi “Gì vậy bạn” thì B nói “Dựng T1 cho” rồi nhờ T chở B và ti vi về nhà B tại khu phố 2, thị trấn A, huyện V nói dối chị Mai Thị H là ti vi của bạn gửi. Tối ngày 30/9/2019, Huỳnh Văn T sang chơi ngủ lại nhà B. Đến khoảng 01 giờ ngày 01/10/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 60Z7-6554 chở Bình đến cửa đập tràn thuộc khu phố 8, thị trấn A, huyện V bắt rắn. B cầm đèn pin soi thấy có nhiều xe mô tô của người đi bắt cá để trên bờ không có người trông coi nên B nảy sinh ý định bẻ khóa trộm cắp xe. Do không mang theo dụng cụ và T kêu về nên B đi về nhà. B lấy 01 thanh sắt chữ T có đầu dẹt đưa cho T giữ rồi cùng T quay lại chân đập. B nói T đưa thanh sắt chữ T cho B và để ý xung quanh nên T biết mục đích của B là trộm cắp tài sản. T đứng ở ngoài cảnh giới còn B đến mở khóa cổ xe mô tô hiệu Sirius biển số 60B9-37925 của anh Nguyễn Công Quốc A, sinh năm 1998 ngụ tại tổ 5B, khu phố 6, thị trấn A, huyện V dựng sát hàng rào. B dắt xe mô tô biển số 60B9- 37925 đi nhưng do xe

bị khóa bánh trước bằng dây xích nên B, T không lấy được. B kêu T chở đến nhà Y (không rõ họ) là cháu của T ở khu phố 4, thị trấn A, huyện V mượn kìm cắt khóa được T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 60Z7-6554 chở B đến nhà anh Y gọi cửa thì chị Lâm Thị H2, sinh năm 1999 là vợ của anh Y ra mở cửa nói anh Y say rượu đang ngủ. T đi vào nhà lấy cây kìm cắt khóa rồi cùng B quay lại chỗ bỏ khóa xe. T dùng kìm cắt đứt khóa dây xích bánh xe mô tô biển số 60B9-37925 để B điều khiển xe mô tô trộm cắp được chạy về nhà B. T điều khiển xe mô tô biển số 60Z7-6554 đi về sau. B kêu T tháo biển số và lấy các loại giấy tờ trong cốp xe mô tô biển số 60B9-37925 gồm: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen không có nắp lưng, không gắn sim; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-37925 tên Nguyễn Lưu L; 01 giấy chứng minh nhân dân số 272873092 tên Nguyễn Công Quốc A rút đi nhưng T không rút mà mang đi cất giấu. Đến sáng ngày 01/10/2019, Công an thị trấn A, huyện V mời B, T lên làm việc. Tại Cơ quan Công an B, T khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp các vật chứng liên quan.

Tang vật tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu đen biển số 60Z7-6554 không có số khung, số máy; 01 biển số xe 60B9-37925; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen không có nắp lưng, không gắn sim; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-37925 tên Nguyễn Lưu L; 01 giấy chứng minh nhân dân số 272873092 tên Nguyễn Công Quốc A.

- 01 ti vi hiệu Sony màu đen 49 inches 49X800E; 01 xe mô tô hiệu Sirius trắng đen.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL-ĐGTS ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện V kết luận: Giá của 01 ti vi Sony 49 inches 49X800E là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KL-ĐGTS ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện V kết luận: Giá của 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 60B9-379.25 là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); giá của 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 không có nắp lưng, không gắn sim là 50.000đ (Năm mươi ngàn đồng).

Anh Đặng Trí T1 đã nhận lại tài sản do Võ Đức B trộm cắp nên không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Anh Nguyễn Công Quốc A đã nhận lại tài sản do Võ Đức B, Huỳnh Văn T trộm cắp nên không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Cây sắt chữ T, kìm cắt khóa, dây xích và ổ khóa bị cắt Võ Đức B, Huỳnh Văn T khai nhận vứt bỏ và làm rơi tại hiện trường. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Xe mô tô biển số 60Z7-6554 không có số khung, số máy và không xác định được nguồn gốc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V chuyển cho Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Huỳnh Văn T có hành vi chở Võ Đức B đến nhà anh Đặng Trí T1 để B trộm cắp ti vi, tuy nhiên B không báo trước và không bàn bạc với T nên Huỳnh Văn T không đồng phạm với Võ Đức B về tội “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 29/9/2019, tại khu phố 1, thị trấn A, huyện V.

Chị Mai Thị H không biết Võ Đức B trộm cắp ti vi của anh Đặng Trí T1 nên không đồng phạm với B về tội “Trộm cắp tài sản”.

Chị Lâm Thị H2 không biết Võ Đức B, Huỳnh Văn T mượn kìm đi cắt khóa trộm cắp tài sản nên không đồng phạm với B, T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản cáo trạng số 29/CT-VKSVC ngày 16/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Võ Đức B, Huỳnh Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i (Đối với bị cáo T), s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (Đối với bị cáo B) của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Đức B 20 tháng đến 24 tháng tù, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 12 đến 14 tháng tù; buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

* Các bị cáo B, T nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là trái pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Đức B, Huỳnh Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ ngày 29/9/2019, tại khu phố 1, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Võ Đức B vào nhà anh Đặng Trí T1 trộm cắp 01 ti vi Sony 49 inches 49X800E của anh Đặng Trí T1, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Đêm ngày 01/10/2019, tại khu phố 8, thị trấn A, huyện V, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Võ Đức B, Huỳnh Văn T đã trộm cắp của anh Nguyễn Công Quốc A 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60B9-379.25 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 14.050.000đ (Mười bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Các bị cáo B, T không có ý kiến khiếu nại gì và đồng ý với giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt.

[3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Võ Đức B, Huỳnh Văn T đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Trí T1, anh Nguyễn Công Quốc A. Hành vi của các bị cáo

đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần thuộc tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Huỳnh Văn T được áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo B có nhân thân xấu, trước đây đã bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng 11 ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam và được trả tự do ngay tại phiên tòa về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động vì muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo T đang có tiền sự là người có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[7] Các bị cáo là những người có đầy đủ nhận thức, có khả năng lao động nhưng không chịu làm ăn lương thiện, lợi dụng sơ hở của người bị hại để trộm cắp tài sản đem đi tiêu thụ phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân được đánh giá là táo bạo và liều lĩnh. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo, căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án như sau: Trong vụ án này các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm, tuy phạm tội giản đơn, không có tổ chức, bàn bạc phân công nhiệm vụ. Tuy nhiên, bị cáo B bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên cần phải có mức hình phạt cáo hơn bị cáo T.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo T, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo B, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Đức B, Huỳnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Đức B 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Võ Đức B, Huỳnh Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lâm